

Bản án số: 214/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 19-7-2024  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Hà Như Oanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Lê Hữu Trọng
- Bà Trần Nguyệt Mai

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thụy Thùy Trâm - là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Phạm Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 59/2024/HNST ngày 20 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hồng Quang Y, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: Cao ốc T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Quách P, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: Đường P, Phường F, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;  
địa chỉ tạm trú: Cao ốc T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 11 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Hồng Quang Y trình bày:*

Trước đây bà Hồng Quang Y (viết tắt là bà Y) từng kết hôn với người Đài Loan rồi sang định cư ở Đài Loan, nhập quốc tịch Đài Loan và sử dụng tên phiên âm theo giấy tờ Đài Loan cung cấp là Hsiang Kuang Y (có hộ chiếu số 130108538

cấp ngày 08 tháng 6 năm 2000 tại Đài Loan). Sau khi ly hôn, bà Y trở về Việt Nam sinh sống và có quan hệ tình cảm với ông Quách P (viết tắt là ông P). Trước khi đăng ký kết hôn với ông P vào năm 2010 (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 55/2010, quyển 01/2010, đăng ký ngày 08 tháng 10 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân Phường F, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh), bà Y và ông P có 01 (một) người con chung tên Hsiang M (nữ), sinh ngày 20 tháng 7 năm 2009. Thời điểm làm giấy khai sinh cho trẻ Hsiang M (người đi khai là ông P), do chưa hoàn tất thủ tục xin lại quốc tịch Việt Nam nên trong giấy khai sinh của trẻ Hsiang M (Giấy khai sinh số 929, quyển số 04, đăng ký ngày 22 tháng 10 năm 2009 tại Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh) vẫn ghi nhận họ tên mẹ là Hsiang Kuang Y. Sau khi hoàn thành thủ tục xin lại quốc tịch Việt Nam thì bà Y sử dụng tên Hồng Quang Y.

Lý do bà Y nộp đơn xin ly hôn với ông P là vì quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do đôi bên bất đồng quan điểm, khác biệt tính tình, thiếu sự tôn trọng lẫn nhau dẫn đến vợ chồng thường xảy ra tranh cãi và không nói chuyện với nhau trong thời gian dài. Tình trạng này kéo dài nhưng không hòa giải, khắc phục được dẫn đến vợ chồng ngày càng có khoảng cách, tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, đôi bên không còn chung sống cùng nhau. Bà Y xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà và ông P đã ngày càng trầm trọng mà không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, tiếp tục duy trì hôn nhân thì cũng không còn hạnh phúc nên bà Y yêu cầu được ly hôn với ông P.

Trường hợp ly hôn:

- Về con chung: Bà Y yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Hsiang M (nữ), sinh ngày 20 tháng 7 năm 2009, bà Y không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà Y trình bày là bà và ông P tự thỏa thuận tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ (nợ) chung: Bà Y trình bày là bà và ông P không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn là ông Quách P được Tòa án thực hiện việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông P vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến trình bày và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.*

*Tại phiên tòa:* Nguyên đơn là bà Hồng Quang Y vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là ông Quách P vắng mặt, không rõ lý do nên không có ý kiến trình bày.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được

triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt, không rõ lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hồng Quang Y đối với ông Quách P, giao người con chung tên Hsiang M cho bà Hồng Quang Y trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Y tự khai bà và ông Quách P tự thỏa thuận tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Bà Hồng Quang Y chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến trình bày của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Hồng Quang Y khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Quách P có địa chỉ cư trú tại Cao ốc T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, đây là vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Nguyên đơn là bà Hồng Quang Y vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là ông Quách P đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ cũng như thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về thời gian, địa điểm tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng vắng mặt, không rõ lý do và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồng Quang Y và ông Quách P đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường F, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 08 tháng 10 năm 2010, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 55/2010, quyền số 01/2010. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Y và ông P là hợp pháp.

Bà Y trình bày quá trình chung sống vợ chồng giữa bà và ông P phát sinh mâu thuẫn do đôi bên bất đồng quan điểm, khác biệt tính tình, không còn tình nghĩa vợ chồng; đã hòa giải hàn gắn không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân. Do nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà Y nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông P.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, bà Y xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ, nếu duy trì hôn nhân thì cũng không có

hạnh phúc nên bà Y vẫn giữ yêu cầu ly hôn với ông P. Theo văn bản số 1082/UBND ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thông tin là bà Y và ông P không còn chung sống cùng nhau tại căn hộ ở Cao ốc T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh và không trình báo chính quyền địa phương về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng. Tòa án đã thông báo cho bị đơn là ông Quách P về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, triệu tập ông P đến Tòa án để trình bày ý kiến, hòa giải quan hệ hôn nhân cũng như tham gia phiên tòa xét xử nhưng ông P đều vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến trình bày và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Y. Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc đưa ra không đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 16 tháng 7 năm 2024, bà Y vẫn giữ yêu cầu ly hôn với ông P và được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông P cấp dưỡng.

Xét thấy, hôn nhân giữa bà Y và ông P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của bà Y xin ly hôn với ông P là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Căn cứ Bản tuyên thệ ngày 09 tháng 10 năm 2006 đã được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 11 tháng 10 năm 2006; Giấy khai sinh số 929, quyển số 04, đăng ký ngày 22 tháng 10 năm 2009 tại Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh; Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của Hsiang M do Công an Phường O, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 5 năm 2024, có đủ cơ sở xác định, bà Y và ông P có 01 (một) người con chung tên Hsiang M (nữ), sinh ngày 20 tháng 7 năm 2009. Bà Y yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung nêu trên, không yêu cầu ông P cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Xét thấy, người con chung tên Hsiang M hiện đang sinh sống ổn định cùng với bà Y, được bà Y chăm sóc, nuôi dưỡng; do đó, căn cứ nguyện vọng được tiếp tục ở cùng với mẹ sau khi ba mẹ ly hôn của Hsiang M cũng như để đảm bảo sự ổn định, hạn chế xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con chung, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận giao 01 (một) người con chung tên Hsiang M (nữ), sinh ngày 20 tháng 7 năm 2009 cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Do bà Y tự nguyện không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về tài sản chung: Bà Y tự khai là bà và ông P tự thỏa thuận tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Bà Y tự khai là bà và ông P không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Y chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình,

#### **Tuyên xử:**

##### **1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồng Quang Y:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồng Quang Y được ly hôn với ông Quách P.

- Về con chung: Giao 01 (một) người con chung tên Hsiang M (nữ), sinh ngày 20 tháng 7 năm 2009 cho bà Hồng Quang Y trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Hồng Quang Y không yêu cầu ông Quách P cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có lý do chính đáng, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được luật định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Hồng Quang Y tự khai bà và ông Quách Phước tự thỏa thuận tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Bà Hồng Quang Y tự khai bà và ông Quách P không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) do bà Hồng Quang Y chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà Hồng Quang Y đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0036062 ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Hồng Quang Y đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Hồng Quang Y tự khai bà và ông Quách P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND Quận 5;
- Chi cục THADS Quận 5;
- UBND Phường S Quận E (Giấy chứng nhận kết hôn số 55/2010, quyền số 01/2010, đăng ký ngày 08/10/2010);
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Hà Như Oanh**